

Số: 54/QĐ-THPTMH

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Trường THPT Minh Hà

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT MINH HÀ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ thông báo số 703/TB-SGDĐT ngày 11 tháng 03 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường THPT Minh Hà (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán, các cá nhân và bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Khương



Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT Minh Hà
Chương 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024.

(Kèm theo Quyết định số 54/QĐ-THPHMH ngày 20/03/2025 của Trường THPT Minh Hà)

ĐV tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	12.360.757	12.360.757		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	12.360.757	12.360.757		
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.360.757	12.360.757		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.360.757	12.360.757		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (tự chủ)	11.835.869	11.835.869		
3.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Kinh phí đặt hàng 8 tháng đầu năm)	7.043.941	7.043.941		
3.1.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Kinh phí đặt hàng 4 tháng cuối năm)	4.773.120	4.773.120		
3.1.3	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo ND81/2021/NĐCP	11.540	11.540		
3.1.4	Kinh phí hỗ trợ học phí theo NQ số 15/2023/NQ-HĐND	7.268	7.268		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (không tự chủ)	524.888	524.888		
3.2.1	Kinh phí hỗ trợ CPHT theo quy định tại ND số 81/2021?ND-CP	6.000	6.000		
3.2.2	Kinh phí mua sắm ngoài định mức	465.488	465.488		
3.2.3	Kinh phí thực hiện công tác khắc phục sau bão số 3 gây ra	53.400	53.400		